

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND xã Minh Tân)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	174,614,500,000	120,886,000,000	1,599,671,136	1,458,749,773	0.92	1.21
I	Các khoản thu 100%	365,000,000	365,000,000	90,092,469	89,735,459	33.5	33.5
1	Phí, lệ phí	20,000,000	20,000,000	8,053,000	8,053,000	37.26	37.26
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	190,000,000	190,000,000	78,859,000	78,859,000	55.29	55.29
	Thu từ quỹ đất công ích			78,859,000	78,859,000		
	Thu từ hoa lợi công sản trên đất công						
	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất						
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	70,000,000	70,000,000	924,377	924,377	1.45	1.45
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				0		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	150,000,000	150,000,000	2,256,092	1,899,082	27.32	27.32
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	23,860,000,000	11,694,000,000	232,328,667	91,764,314	0.09	0.06
1	Các khoản thu phân chia	450,000,000	225,000,000	39,434,803	20,217,404	7.46	7.46
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			1,000,000	1,000,000		
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	450,000,000	225,000,000	38,434,803	19,217,404	7.46	7.46
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	23,410,000,000	11,469,000,000	192,893,864	71,546,910	0.06	0.03
21	Thu tiền sử dụng đất	23,000,000,000	11,300,000,000				
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
23	Thuế tài nguyên						
24	Thuế giá trị gia tăng	100,000,000	40,000,000	75,316,574	22,883,243	8.61	8.07
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
26	Thuế thu nhập cá nhân	310,000,000	129,000,000	116,077,290	47,193,667	36.08	34.76
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt			1,500,000	1,470,000		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						

V1	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6,609,000,000	6,609,000,000	1,277,250,000	1,277,250,000	19.33	19.33
1	Thu bổ sung cân đối	6,609,000,000	6,609,000,000	1,277,250,000	1,277,250,000		
2	Bổ sung có mục tiêu			0	0		